

Số: 954 /TCT-TNCN
V/v giải trình về thuế TNCN

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2011

Kính gửi: Vụ chính sách Thuế - Bộ Tài chính

Tại Điểm 3, Công văn số 1815/UBTCNS12 ngày 15/3/2011 của Ủy ban Tài chính ngân sách yêu cầu báo cáo rõ quy định về việc hoàn thuế TNCN tại Khoản 1, Điều 32 Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 trái với quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 8 Luật thuế TNCN; về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Tại Khoản 2, Điều 8 Luật thuế TNCN quy định như sau:

“2. Cá nhân được hoàn thuế trong trường hợp sau:

a) Số tiền thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp;

b) Cá nhân đã nộp thuế nhưng có thu nhập tính thuế chưa đến mức phải nộp thuế;

c) Các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2) Tại Khoản 1, Điều 32 Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 18/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế TNCN quy định:

“1. Cá nhân được hoàn thuế trong các trường hợp sau:

a) Số tiền thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp;

b) Số tiền giảm trừ gia cảnh quy định tại Điều 12 Nghị định này thực tế lớn hơn số tạm tính giảm trừ;

c) Các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo quy định tại Điều 13 Nghị định này chưa giảm trừ khi tính thuế”.

Nội dung quy định tại Điểm b, c, Khoản 1, Điều 32 Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 18/9/2008 là chi tiết Điểm b, Khoản 2, Điều 8 của Luật thuế TNCN vì lý do như sau:

1. Tại Điểm a, Khoản 1, Điều 24 Luật thuế TNCN quy định: “ a) Tổ chức, cá nhân trả thu nhập có trách nhiệm kê khai, khấu trừ, nộp thuế vào ngân sách nhà nước và quyết toán thuế đối với các loại thu nhập chịu thuế trả cho đối tượng nộp thuế”. Căn cứ vào quy định của Luật nêu trên, tại Điều 30 Nghị định số 100/2008/NĐ-CP quy định tổ chức trả thu nhập tạm khấu trừ thuế hàng tháng đối

căn cứ vào thu nhập tính thuế tháng, mức tạm tính giảm trừ gia cảnh và biểu lũy tiến từng phần. Đối với các khoản tiền công, tiền chi khác cho cá nhân không ký hợp đồng lao động thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập tạm khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% số thu nhập đối với cá nhân có mã số thuế. Trường hợp cá nhân không có mã số thuế thì khấu trừ theo tỷ lệ 20%. Cá nhân có thu nhập tạm khấu trừ không phải khai thuế theo tháng.

2. Tại Điểm b, Khoản 1, Điều 24 Luật thuế TNCN quy định: “b) Cá nhân có thu nhập chịu thuế có trách nhiệm kê khai, nộp thuế vào ngân sách nhà nước và quyết toán thuế đối với mọi khoản thu nhập theo quy định của pháp luật về quản lý thuế”. Tại Điểm c, Khoản 2, Điều 29 Nghị định 100/2008/NĐ-CP quy định “Cá nhân khai quyết toán thuế năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công...”

Theo quy định nêu trên:

1- Hàng tháng (hoặc quý - theo Điểm b, Khoản 2, Điều 29 Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010), tổ chức trả thu nhập có trách nhiệm khấu trừ thuế đối với thu nhập trả theo hợp đồng lao động và thu nhập trả không có hợp đồng. Do việc khấu trừ thuế theo mức tạm tính giảm trừ gia cảnh nên có khi hàng tháng, hàng quý người lao động vẫn bị khấu trừ thuế nộp ngân sách nhà nước. Nhưng đến cuối năm người lao động quyết toán thuế theo mức giảm trừ gia cảnh thực tế cao hơn dẫn đến thu nhập tính thuế cả năm chưa đến mức phải nộp thuế thì cơ quan thuế phải hoàn lại số thuế đã nộp hàng tháng, hàng quý do tổ chức trả thu nhập đã khấu trừ nộp vào ngân sách nhà nước.

2- Các khoản từ thiện, nhân đạo do cá nhân tự đóng góp và nhận chứng từ do tổ chức từ thiện, nhân đạo cấp theo quy định hiện hành. Khi quyết toán thuế cuối năm các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được trừ vào thu nhập chịu thuế cả năm. Sau khi trừ khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo mà thu nhập còn lại cả năm (thu nhập tính thuế cả năm) chưa đến mức phải nộp thuế nhưng hàng tháng, quý trong năm tổ chức trả thu nhập đã khấu trừ thuế nộp vào ngân sách thì cơ quan thuế phải hoàn trả số thuế đã khấu trừ nộp ngân sách nhà nước.

Tổng cục Thuế đề nghị Quý Vụ tổng hợp nội dung giải trình nêu trên để báo cáo Ủy ban Tài chính ngân sách Quốc hội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Pháp chế -BTC;
- Vụ Chính sách, Vụ Pháp chế (TCT);
- Lưu: VT, TNCN.

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
HẠP TỔNG CỤC TRƯỞNG



Phạm Duy Khương